

Số: 41 /NQ-HĐBCQG

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

QUY ĐỊNH CÁC MẪU VĂN BẢN TRONG CÔNG TÁC BẦU CỬ; HƯỚNG DẪN VỀ HỒ SƠ ỨNG CỬ VÀ THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021, CÁC TRƯỜNG HỢP KHUYẾT NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Xét đề nghị của Ban công tác đại biểu tại Tờ trình số 55/TTr-BCTĐB ngày 28 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử và các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử

Ban hành kèm theo Nghị quyết này các mẫu văn bản trong hồ sơ ứng cử, mẫu thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử và các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

1. Mẫu hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV gồm các mẫu từ mẫu số 1/BCĐBQH đến mẫu số 4/BCĐBQH;
2. Mẫu hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 gồm các mẫu từ mẫu số 5/BCĐBHĐND đến mẫu số 8/BCĐBHĐND;
3. Mẫu biên nhận về việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV theo mẫu số 9/BCĐBQH; mẫu biên nhận về việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo mẫu số 10/BCĐBHĐND;
4. Mẫu thẻ cử tri và mẫu giấy xác nhận đi bỏ phiếu nơi khác gồm các mẫu từ mẫu số 11/BCĐBQH & BCĐBHĐND đến mẫu số 13/BCĐBQH & BCĐBHĐND;
5. Mẫu phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, mẫu phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp gồm các mẫu từ mẫu số 14/BCĐBQH đến mẫu số 17/BCĐBHĐND;
6. Mẫu biên bản kiểm phiếu, biên bản xác nhận kết quả bầu cử, biên bản tổng kết bầu cử và các loại mẫu khác phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội gồm các mẫu từ mẫu số 18/BCĐBQH đến mẫu số 23/BCĐBQH;
7. Mẫu biên bản kiểm phiếu, biên bản xác nhận kết quả bầu cử, biên bản tổng kết bầu cử và các loại mẫu khác phục vụ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm các mẫu từ mẫu số 24/BCĐBHĐND đến mẫu số 29/BCĐBHĐND;
8. Các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử gồm các mẫu từ mẫu số 30/BCĐBQH & BCĐBHĐND đến mẫu số 32/BCĐBQH & BCĐBHĐND.

Điều 2. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm:

- a) Đơn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV (theo mẫu số 1/BCĐBQH); đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 (theo mẫu số 5/BCĐBHĐND);
- b) Sơ yếu lý lịch đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo mẫu số 2/BCĐBQH); đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo mẫu số 6/BCĐBHĐND), có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử thường trú;

c) Tiểu sử tóm tắt đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo mẫu số 3/BCĐBQH); đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo mẫu 7/BCĐBHĐND);

d) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo mẫu số 4/BCĐBQH); đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo mẫu số 8/BCĐBHĐND);

đ) Mỗi bộ Hồ sơ ứng cử của người ứng cử có 03 ảnh chân dung màu, nền trắng cỡ 4cm x 6cm (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt).

2. Người ứng cử thực hiện việc kê khai các nội dung đầy đủ, chính xác theo hướng dẫn trong các mẫu văn bản sử dụng trong hồ sơ ứng cử ban hành kèm theo Nghị quyết này. Việc kê khai có thể thực hiện bằng cách viết tay hoặc đánh máy, nhưng phải bảo đảm đúng theo các mẫu văn bản trong hồ sơ ứng cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành (file điện tử các mẫu văn bản trong hồ sơ ứng cử có thể tải về từ Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội <http://www.quochoi.vn>). Người ứng cử ký vào từng trang văn bản của hồ sơ ứng cử.

3. Ảnh của người ứng cử là ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ. Trong Sơ yếu lý lịch, Tiểu sử tóm tắt, ảnh của người ứng cử phải được dán đúng vị trí quy định và được đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử thường trú.

Điều 3. Nộp hồ sơ ứng cử

1. Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

a) Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tiểu ban nhân sự và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ Nhà Quốc hội, số 02 đường Bắc Sơn, Ba Đình, Hà Nội);

b) Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh;

c) Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính cấp đó.

2. Thời hạn nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 là trong giờ hành chính các ngày trong tuần, bắt đầu từ ngày 17 tháng 02 năm 2016 và kết thúc vào lúc 17 giờ 00 ngày 13 tháng 3 năm 2016. Riêng thứ bảy, ngày 12 tháng 3 năm 2016 và chủ nhật, ngày 13 tháng 3 năm 2016, Tiểu ban nhân sự và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

3. Ủy ban bầu cử các cấp có trách nhiệm thông báo công khai về địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Điều 4. Nội quy phòng bỏ phiếu

Tổ bầu cử có trách nhiệm niêm yết Nội quy phòng bỏ phiếu. Nội quy phòng bỏ phiếu gồm các nội dung sau đây:

1. Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu;

2. Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai

3. Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu;

4. Không được vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu dưới bất kỳ hình thức nào;

5. Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;

6. Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu;

7. Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, những người có nhiệm vụ phục vụ bầu cử phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ủy ban bầu cử cấp tỉnh quy định; thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri;

8. Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử của công dân, vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử

thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự

Điều 5. Xử lý trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng

Trường hợp khuyết người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được hiểu là sau khi Ủy ban bầu cử công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử đến trước khi niêm yết danh sách những người ứng cử mà người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do bất khả kháng (chết, vi phạm pháp luật ...) không thể tiếp tục ứng cử theo quy định của pháp luật thì Ủy ban bầu cử sau khi thống nhất với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp quyết định theo một trong các hình thức sau đây, đồng thời báo cáo Ủy ban bầu cử cấp trên trực tiếp; đối với đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia:

1. Quyết định giữ danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân còn lại khi số dư người ứng cử vẫn bảo đảm theo quy định của pháp luật;
2. Quyết định bổ sung người có số phiếu tín nhiệm cao nhất và đạt từ 50% số phiếu tín nhiệm trở lên trong số những người còn lại trong danh sách những người ứng cử được xem xét tại Hội nghị hiệp thương lần thứ ba khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - a) Số dư người ứng cử ở đơn vị bầu cử không bảo đảm theo quy định của pháp luật;
 - b) Trong danh sách hiệp thương lần thứ ba còn có người ứng cử đạt trên 50% số phiếu tín nhiệm trở lên;
 - c) Thời gian để bổ sung phải còn ít nhất là 02 ngày tính đến trước khi Ủy ban bầu cử niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử.
3. Quyết định giảm số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở đơn vị bầu cử để bảo đảm số dư theo quy định của pháp luật nếu không có một trong các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

**TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC
GIA
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Thành viên HĐBCQG;
 - Các Tiểu ban của HĐBCQG;
 - H ĐDT, các UB của QH;
 - VPQH, các cơ quan của UBND;
 - Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ;
 - Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
 - Ủy ban bầu cử, Thường trực HĐND,
Sở Nội vụ, Ủy ban MTTQVN các tỉnh,
thành phố trực thuộc trung ương;
 - Văn phòng bầu cử quốc gia.
 - Lưu: HC, CTĐB,
- E- pas: 6973

Đã ký

Nguyễn Sinh Hùng